

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 162/2022/DS-ST

Ngày 11 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thanh Th, sinh năm 1963; Cư trú tại: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Hồng X, sinh năm 1988; Cư trú tại: Khóm X, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963; Cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt);

3. Ông Võ Hải Nh, sinh năm 1989 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nh: Bà Hồ Thị Hồng X; sinh năm 1988; Cư trú tại: Khóm 3, Khóm X, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hồ Thanh Th trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Vào tháng 02/2019, bà Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị H có nhờ bà tìm người rước Trương Huỳnh Nh (cháu nội của bà A) và Trương Bích N (con của bà H) từ Trung Quốc về Việt Nam. Bà với bà A, bà H và bà X thỏa thuận tại nhà bà với nội dung bà tìm người rước Như, Ngân từ Trung Quốc về đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh thì bà A và bà H trả cho bà 50.000.000 đồng. Bà A, H giao trước cho bà 25.000.000 đồng. Sau đó, bà nhờ bà X tìm người rước Nh, N về. Bà X nhờ chồng bà X là ông Võ Hải Nh nhận tiền thay số tiền 20.000.000 đồng ngày 30/02/2019, việc giao nhận tiền tại nhà bà, có ông Lâm Văn Sốt, là Công an viên xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau chứng kiến và có biên nhận nhận tiền, bà cũng có chụp hình ông Nh lúc nhận tiền nhưng điện thoại hư hỏng, biên nhận bị mất nên không cung cấp được. Sau đó, ông S ký vào tờ đơn xác nhận nội dung chứng kiến việc giao, nhận tiền như trên. Bà X có nhờ người rước Như và Ngân nhưng Nh và N không trốn ra được nên không rước được về. Bà A và bà H yêu cầu bà trả lại 25.000.000 đồng. Sự việc được Tòa án hai cấp tỉnh Cà Mau giải quyết, tại bản án phúc thẩm số 283/2020/DS – PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau buộc bà có nghĩa vụ trả cho bà A 12.000.000 đồng và bà H 13.000.000 đồng. Đến nay bà chưa thi hành bản án. Bà yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền đã nhận là 20.000.000 đồng.

Bà Hồ Thị Hồng X trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào năm 2019, bà Th có nhờ bà tìm người rước Nh và N từ Trung Quốc về Việt Nam. Thỏa thuận bằng lời nói khi nào rước được Nh và N về đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh thì trả chi phí 40.000.000 đồng. Thực tế bà đã nhờ người bên Trung Quốc đi rước nhưng không rước Nh và N do Nh và N không trốn ra được. Bà xác định bà chưa nhận bất cứ khoản tiền nào của bà Th nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông Nh có nhận tiền của bà Th hay không thì bà không biết. Trường hợp có chứng cứ xác định ông Nh nhận tiền của bà Th thì yêu cầu ông Nh có trách nhiệm cá nhân trả lại cho bà Th.

Đối với vụ việc tranh chấp giữa bà A, bà H với bà Th đã được Tòa án hai cấp tỉnh Cà Mau giải quyết, lời khai của bà trong vụ án này là không hoàn toàn chính xác. Cụ thể là lời thừa nhận của bà về việc bà Th có nhờ bà tìm người rước cháu N, Nh là đúng. Còn nội dung trình bày thừa nhận bà có nhận 20.000.000 đồng của bà Th là không đúng.

Bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 30/02/2019, bà A và bà H có nhờ bà Th tìm người rước Nh và N từ Trung Quốc về Việt Nam, theo đó bà A, bà H giao cho bà Th trước số tiền 25.000.000 đồng, trong đó bà H đưa 13.000.000 đồng, bà A đưa 12.000.000 đồng, các bên thỏa thuận khi rước Nh và N về đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sẽ giao số tiền còn lại 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà Th không rước được Nh và N về Việt Nam theo thỏa thuận nên bà A và bà H yêu cầu bà Th trả lại cho bà A 12.000.000 đồng, trả cho bà H 13.000.000 đồng. Sự việc được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Cà Mau giải quyết buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho bà A 12.000.000 đồng

và bà H 13.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà Th chưa thi hành bản án phúc thẩm nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th yêu cầu bà X trả 20.000.000 đồng thì bà A và bà H không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Bà A và bà H xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự; ngoài ra Thẩm phán có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng do tình hình dịch bệnh nên cần rút kinh nghiệm chung. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng; Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Hồ Thị Hồng X đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà X vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

Ông Nh đã chết, Tòa án yêu cầu bà X cung cấp Tờ khai tông chi chứng minh hàng thừa kế thứ nhất của ông Nh nhưng bà X không cung cấp. Như vậy xác định bà X là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nh trong vụ án này là có căn cứ.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp đòi tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Hồ Thanh Th khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Hồng X trả số tiền 20.000.000 đồng, là khoản tiền bà X đã nhận và thỏa thuận rước N và Nh từ Trung Quốc về Việt Nam nhưng không rước về được. Để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình, bà Th cung cấp Đơn xin xác nhận có nội dung bà giao cho ông Nh bà X nhận số tiền 20.000.000 đồng, có xác nhận của ông Lâm Văn Sốt và Ủy ban nhân dân xã Hòa thành, thành phố Cà Mau. Ngoài ra, bà có chụp A lúc ông Nh nhận tiền và có biên nhận nhận tiền nhưng do bị hư hỏng và mất nên không cung cấp được. Bà X cho rằng, bà không nhận số tiền 20.000.000 đồng trên từ bà Th giao, trường hợp có chứng cứ chứng minh ông Nh nhận tiền thì ông Nh có nghĩa vụ trả cho bà Th, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án sơ thẩm số 165/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và Bản án phúc thẩm số 283/2020/DS-PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện bà X thừa nhận lời trình bày của bà Th là đúng. Thực tế có rước Nh và N nhưng Nh và N không trốn ra để về Việt Nam được. Mặt khác, tại Biên bản ghi ý kiến của bà X ngày 28/5/2020, bà X trình bày như sau: “ Bà Th đưa cho bà số tiền 20.000.000 đồng để là thủ tục chuyển tiền cho người rước Nh và N về. Sau khi nhận tiền từ bà Th, bà thêm tiền cá nhân của bà 5.000.000 đồng, tổng cộng là 25.000.000 đồng và

chuyển cho người phụ nữ tên H (không rõ họ và chữ lót)”. Như vậy, bà X đã nhận từ bà Th số tiền 20.000.000 đồng là thực tế khách quan, đến nay Bản án phúc thẩm số 283/2020/DS - PT ngày 15/12/2020 đã có hiệu lực pháp luật. Cho nên, tại vụ án này bà X xác định trước đây không nhận số tiền 20.000.000 đồng của bà Th là không có cơ sở chấp nhận. Đối với ông Võ Hải Nh là chồng của bà X là người trực tiếp nhận số tiền 20.000.000 đồng từ bà Th, có sự chứng kiến của ông Lâm Văn S. Qua xác minh, ông S xác định ông có chứng kiến việc bà Th giao số tiền 20.000.000 đồng cho ông Nh. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Th, về việc yêu cầu bà X trả lại số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán: Xét thấy, bà X và ông Nh cùng nhận số tiền 20.000.000 đồng của nguyên đơn nên cùng có nghĩa vụ trả lại. Tuy nhiên, hiện nay ông Nh chết, bà X là người thừa kế hàng thứ nhất của ông Nh, nên buộc bà X có nghĩa vụ trả lại số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Thanh Th, về việc yêu cầu bà Hồ Thị Hồng X trả lại số tiền đã nhận.

Buộc bà Hồ Thị Hồng X có nghĩa vụ trả lại cho Hồ Thanh Th số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Hồ Thanh Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hồ Thị Hồng X không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Hồng X phải nộp 1.000.000 đồng (Chưa nộp). Bà Hồ Thanh Th không phải nộp án phí. Ngày 22/02/2021, bà Th đã nộp số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng theo biên lai thu số 0000623 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân